

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó giáo sư
Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đặng Đình Hanh

2. Ngày tháng năm sinh: 18/07/1981; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Ninh Xá, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):
Phòng 708-N07-B1.2, Khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 708-N07-B1.2, Khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0914336900;

E-mail: hanhdd@hau.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 08,2003 đến tháng, năm 07,2012: Giảng viên tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Từ tháng, năm 08,2012 đến tháng, năm 08,2013: Giảng viên tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Từ tháng, năm 09,2013 đến tháng, năm 04,2015: Phó Trưởng Bộ môn Toán, Khoa Tọa chức tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Từ tháng, năm 04,2015 đến tháng, năm 07,2018: Trưởng Bộ môn Toán, Khoa Tọa chức tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Từ tháng, năm 08,2018 đến tháng, năm 11,2018: Trưởng Bộ môn Toán, Viện Đào tạo mở tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Từ tháng, năm 11,2018 đến tháng, năm 05,2021: Phó Viện trưởng Viện Đào tạo mở, kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Giảng dạy và nghiên cứu cơ bản tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Từ tháng, năm 05,2021 đến tháng, năm 06,2023: Phó Viện trưởng Viện Đào tạo mở, kiêm nhiệm Trưởng Bộ môn Toán tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Phó Viện trưởng Viện Đào tạo mở, kiêm nhiệm Trưởng Bộ môn Toán; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Km10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438541616

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 10 tháng 07 năm 2003, số văn bằng: 516806, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 03 tháng 03 năm 2006, số văn bằng: 2598, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 21 tháng 02 năm 2012, số văn bằng: 001087, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Lý thuyết phạm trù: Phạm trù có phép toán.

Lý thuyết đồ thị: Cây bao trùm của đồ thị liên thông.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 3 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 13 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Với nhiệm vụ là giảng viên của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, ứng viên đã:

- Giảng dạy trực tiếp các lớp ở bậc Đại học, tất cả các năm đều trực tiếp đứng lớp từ 50% định mức giờ chuẩn trở lên; khối lượng giảng dạy của các năm đều vượt định mức giờ chuẩn của giảng viên theo quy định hiện hành.
- Tham gia bồi dưỡng đội tuyển Đại số của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội và dẫn đoàn Olympic của trường tham dự kì thi Olympic Toán học Sinh viên - Học sinh toàn quốc.
- Tích cực tham gia công tác nghiên cứu khoa học; hoàn thành tốt các nhiệm vụ của giảng viên về đào tạo và nghiên cứu khoa học, thực hiện tốt các quy định của pháp luật và của nhà trường, không ngừng rèn luyện trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tư tưởng chính trị vững vàng, có lý lịch bản thân rõ ràng, có sức khỏe đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

Với vai trò là Phó Viện trưởng, ứng viên tích cực tham mưu cho Viện trưởng trong các công việc và định hướng phát triển của Viện, luôn chủ động trong các công việc phụ trách và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, quy tụ được các thành viên của Viện trong các hoạt động tập thể của

Viện và Nhà trường. Với vai trò kiêm nhiệm chức vụ Trưởng Bộ môn Toán, ứng viên đã chủ động chỉ đạo Bộ môn trong các hoạt động điều chỉnh chương trình đào tạo môn Toán cho các hệ sinh viên của nhà trường, trong các hoạt động dạy học và ra đề thi, chấm thi; bộ môn ôn luyện các đội tuyển Olympic Toán của nhà trường. Ngoài ra, ứng viên cũng giúp đỡ các đồng nghiệp trong quá trình nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm 10 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018			3		225		225/245.44/216
2	2018-2019					195		195/213.38/128.25
3	2019-2020					135		135/138.38/81
03 năm học cuối								
4	2020-2021					135		135/146.53/81
5	2021-2022					195		195/221.25/81
6	2022-2023					165		165/188.16/81

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Các bài báo khoa học đều viết bằng tiếng anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Thị Huệ		X	X		12/2016 đến 10/2017	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	30/01/2018
2	Bùi Thị Huệ		X	X		12/2016 đến 10/2017	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	30/01/2018
3	Đàm Thị Minh Ngọc		X	X		12/2016 đến 10/2017	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	30/01/2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	----------	--------------------------	--

						... đến trang)	
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Tính bện của Ann-phạm trừ	CN	SPHN-10-584 NCS, cấp Cơ sở	01/07/2010 đến 31/12/2011	21/12/2011, Loại Xuất sắc
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Nghiên cứu về cây bao trùm trong đô thị liên thông	CN	24/HĐ-ĐHKT-KHCN, cấp Cơ sở	02/01/2019 đến 31/12/2019	11/12/2019, Loại Xuất sắc
3	Nghiên cứu về đô thị liên thông có cây bao trùm có thân với số lá, số đỉnh rẽ nhánh bị chặn	CN	29/HĐ-ĐHKT-KHCN, cấp Cơ sở	02/01/2020 đến 31/12/2020	11/11/2020, Loại Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	----------------------------------	----------------	--------------------

						trích dẫn)		
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Homological classification of Ann-functors	2	Không	East-West Journal of Mathematics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		11, 2, 195-210	12/2009
2	On the braiding of an Ann-category	2	Không	Asian-European Journal of Mathematics	Có - Scopus <i>IF: Q3</i>		3, 4, 647-666	12/2010
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
3	Duals of Ann-categories	2	Có	Communications of the Korean Mathematical Society	Có - Scopus <i>IF: Q4</i>		27, 1, 23-36	01/2012
4	Cohomological classification of braided Ann-categories	2	Không	Journal of Homotopy and Related Structures	Có - SCIE <i>IF: Q4</i>		10, 1-28	03/2015
5	Spanning trees with at most 4 leaves in $K_{\{1,5\}}$ -free graphs	3	Không	Discrete Mathematics	Có - SCIE <i>IF: 0.956, Q1</i>	1	342, 8, 2342-2349	08/2019
6	Spanning trees of connected $K_{\{1,t\}}$-free graphs whose stems have a few leaves	2	Không	Bulletin of the Malaysian Mathematical Sciences Society	Có - SCIE <i>IF: 0.446, Q2</i>	1	43, 3, 2373-2383	05/2020
7	Spanning trees with few peripheral branch vertices	3	Không	Taiwanese Journal of mathematics	Có - SCIE <i>IF: 0.870, Q2</i>		25, 3, 435-447	06/2021

8	Spanning trees whose reducible stems have a few branch vertices	4	Không	Czechoslovak Mathematical Journal	Có - SCIE <i>IF: 0.328, Q3</i>		71, 3, 697-708	06/2021
9	Degree conditions for claw-free graphs to have spanning trees with at most five branch vertices and leaves in total	1	Có	Studia Scientiarum Mathematicarum Hungarica	Có - SCIE <i>IF: 0.855, Q2</i>		59, 1, 58-66	04/2022
10	Spanning trees with few peripheral branch vertices in a connected claw-free graph	1	Có	Acta Mathematica Hungarica	Có - SCIE <i>IF: 0.623, Q2</i>		169, 1, 1-14	02/2023
11	Conditions for spanning trees whose internal subtrees have few branch vertices and leaves	1	Có	Bulletin of the Brazilian Mathematical Society, New Series	Có - SCIE <i>IF: 1.177, Q3</i>		54, 2, Article number: 15	04/2023
12	A condition ensuring that a connected graph has a spanning tree with few leaves	1	Có	European Journal of Mathematics	Có - Scopus <i>IF: 0.542, Q2</i>		9 Article number: 26	04/2023

13	Spanning trees with a bounded number of branch vertices in a $K_{1,4}$-free graph	1	Có	Discussiones Mathematicae graph theory	Có - SCIE IF: 0.714, Q2		In press	12/2023
----	--	---	----	--	-------------------------------	--	----------	---------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 6 ([3] [9] [10] [11] [12] [13])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú

	 nghiên cứu ứng dụng KHCN					
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Thành phố Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm
2023**

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**